TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS - ST
Ngày: 13-9-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng "Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc;
2. Bà Thi Amina.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu , tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng "Vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXX- ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Duy B, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ 9, ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn G, sinh năm 1976, chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 1, ấp Tân D, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Phùng Đình Đ, sinh năm 1969; Nơi cư trú: tổ 1, ấp Đông T, xã Tân Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).
- Anh Lương Văn H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: tổ 4, ấp Tân K, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Duy B trình bày: Ông khởi kiện anh G, chị H về việc cho vay tiền đến nay chưa trả cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 4/2/2016 ông có cho anh G, chị H vay số tiền 350.000.000 đồng, việc cho vay có làm giấy, có tính lãi suất 2%/tháng, có hẹn cuối năm 2016 trả. Khi vay thì anh G, chị H không thế chấp tài sản gì. Sau khi vay xong thì anh G, chị H chưa trả được tiền lãi cũng như tiền vay.

Lần 2: Vào ngày 4/8/2016 thì ông tiếp tục cho anh G, chị H vay tiếp số tiền 350.000.000 đồng, việc cho vay có làm giấy, có tính lãi suất 2%/tháng, có hẹn đến cuối năm 2016 trả. Khi vay thì anh G, chị H không thế chấp tài sản gì. Sau khi vay thì anh G, chị H không trả được số tiền lãi cũng như tiền vay.

Nay ông yêu cầu anh G, chị H trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi, tạm tính từ ngày 04/02/2016 đến ngày 19/3/2018 là 25 tháng x 2%/tháng = 350.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.050.000.000 đồng.

Đến ngày 18/7/2018 ông B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 04/8/2016.

Nay ông yêu cầu anh G, chị H trả tiền vay 350.000.000 đồng theo giấy vay lập ngày 04/02/2016 và yêu cầu tính lãi từ tháng 11/2017 cho đến nay theo lãi suất 1%/tháng.

Anh Bùi Văn G trình bày: Qua lời trình bày của ông B, anh nghe rõ nhưng không đúng nên anh trình bày lại như sau: Anh và ông B có hùn làm ăn (Mua bán tiêu từ Campuchia đem về Việt Nam bán), bắt đầu làm ăn từ đầu năm 2016, lúc đầu thì ông B bỏ vốn ra nhưng sau đó do bị thua lổ nên ngưng mua bán và ông B tính sổ thì anh còn thiếu lại ông B số tiền 350.000.000 đồng. Anh có viết giấy nhận tiền 350.000.000 đồng, lập ngày 04/02/2016 và vợ chồng anh có ký tên và ghi họ tên vào cuối phần giấy nợ. Tuy trong giấy không hẹn thời gian trả và không ghi lãi suất nhưng bên ngoài có thỏa thuận lãi suất là 12.000.000 đồng/350.000.000 đồng/tháng.

Sau khi làm giấy nợ thì vợ chồng có trả tiền lãi đầy đủ từ ngày làm giấy cho đến tháng ngày 04/11/2017 thì ngưng. Những lần trả tiền lãi thì không làm giấy tờ và cũng không ai biết.

Sau khi làm giấy nợ thì vợ chồng anh có trả được 70.000.000 đồng tiền vay cụ thể: Vào khoảng 14 giờ, ngày tháng không nhớ chỉ nhớ năm 2017, địa điểm tại nhà ông B thì vợ chồng anh có trả được số tiền 50.000.000 đồng, việc trả không làm giấy nhưng có anh Lương Văn H biết. Ngoài ra thì ông B còn lấy của anh bộ bàn ghế bằng gỗ, trị giá 19.000.000 đồng. Việc lấy bộ bàn ghế không làm giấy nhưng lấy tại cơ sở bán sơn bê "Thanh H", nên có bà X, ông Đ biết và anh trực tiếp đưa thêm 1.000.000 đồng nhưng cũng không làm giấy và không ai biết. Tổng cộng là 20.000.000 đồng.

Ngoài thiếu tiền lần này ra thì anh không vay của ông B số tiền nào khác. Theo giấy "Giấy gia hạn" và giấy "Mượn tiền" lập ngày 4/8/2016 là do ông B không đồng ý với lý do trong giấy nợ không ghi ngày trả, nên kêu anh làm lại giấy khác, lúc này anh trực tiếp viết giấy với nội dung "Giấy gia hạn" phần cuối bên trái tờ giấy vợ anh sợ ông B tính thành 02 lần vay nên có ghi "Viết hai giấy nhưng nhận tổng cộng ba trăm năm mươi triệu đồng. Đến ngày 4/11 trả". Sau khi viết và ký tên xong thì ông B cũng không đồng ý và cầm giấy đem về nhà. Sau đó viết sẵn nội dung và đem lên kêu vợ chồng tôi ký vào. Nói chung là 03 tờ giấy ghi nợ trên chỉ có một số tiền nợ là 350.000.000 đồng.

Nay anh đồng ý trả số tiền 280.000.000 đồng vì đã trả được 70.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi từ ngày 04/12/2017 cho đến nay theo lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền 280.000.000 đồng.

Chị Lê Thị Ngọc H trình bày: Chị là vợ của anh G, qua lời trình bày của anh G chị nghe rõ và thừa nhận lời trình bày của anh G là đúng. Chị trình bày bổ sung là khi trả cho ông B 50.000.000 đồng là có anh Lương Văn H biết vì anh H chở chị đi đến nhà ông B và chị lấy tiền trả thì anh H trực tiếp thấy chị đếm tiền.

Nay chị đồng ý trả số tiền 280.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/12/2017 cho đến nay theo lãi suất do pháp luật quy định.

Tại phiên toà: Ông B yêu cầu anh G, chị H trả số tiền vay 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/12/2017 cho đến nay theo lãi suất 1%/tháng.

Anh G, chị H đồng ý trả 280.000.000 đồng tiền vay và đồng ý trả lãi từ ngày 04/12/2017 cho đến nay theo lãi suất do pháp luật quy định.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết , xét xử vụ án.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy B đối với anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H.

Buộc anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Duy B số tiền vay 350.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 04/12/2017, cho đến nay.

Về án phí: Ông Trần Duy B, anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phùng Đình Đ, anh Lương Văn H là người làm chứng trong vụ án có lời khai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ, anh H.

[2] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng "Vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Do giao dịch dân sự được các đương sự xác lập ngày 04/02/2016, trước ngày 01/01/2017 ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa ông B yêu cầu anh G, chị H trả số tiền vay 350.000.000 đồng. Anh G, chị H thừa nhận có thiếu nhưng cho rằng số tiền này không phải là tiền vay mà là tiền hùn vốn làm ăn "Mua bán tiêu từ

Campuchia về Việt Nam", việc hùn vốn không làm giấy cũng không ai biết; Sau khi làm giấy nhận nợ thì có trả cho ông B được số tiền 50.000.000 đồng, khi trả thì không có làm giấy nhưng có anh Lương Văn H trực tiếp thấy chị H đếm tiền. Qua xác minh được anh H cung cấp như sau: Vào ngày 20/9/2017 thì anh có đi xuống thị trấn Tân Châu để trả tiền vay cho Ngân hàng Sacombank. Chi nhánh Tân Châu, do anh đi bằng xe ô tô tải, nên anh G, chị H có đi cùng. Lúc đến Ngân hàng Sacombank thì anh G xuống xe vì ngại gặp ông B, chỉ có một mình chị H đến nhà ông B. Lúc này anh có cùng chị H vào nhà ông B ngồi một lát thì anh đi, nên không để ý và cũng không chứng kiến việc trả tiền. Ngoài ra thì anh G, chị H còn giao cho ông B 01 bộ bàn ghế bằng gỗ để trừ số tiền 19.000.000 đồng, khi giao bộ bàn thì chủ cơ sở bán sơn bê "Thanh H" là bà X, ông Đ chứng kiến. Qua xác minh được ông Đ cung cấp như sau: Vào năm 2017 thì ông có bán cho anh G, chị H 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 19.000.000 đồng, anh G trực tiếp mua và trực tiếp trả tiền. Do anh G kêu xe đến chở nên tôi không biết xe của ai chở và chở đi đâu; Sau đó anh trực tiếp đưa thêm cho ông B 1.000.000 đồng cũng không làm giấy và không ai biết. Do đó lời trình bày của anh G, chị H là không có cơ sở xem xét. Yêu cầu của ông B là có căn cứ chấp nhận.

Ông B yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng và tính từ ngày 04/12/2017 cho đến nay là 32.549.994 đồng. Anh G, chị H đồng ý tính lãi từ ngày 04/12/2017 cho đến nay nhưng theo lãi suất do pháp luật quy định.

Xét thấy trong giấy vay không thể hiện tiền lãi và các bên có tranh chấp về lãi nên căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính theo lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng và được tính cụ thể như sau: Ngày 04/12/2017 đến ngày 13/9/2018 là (09 tháng 09 ngày) x 0,75%/tháng x 350.000.000 đồng = 24.412.500 đồng.

Từ nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy B tranh chấp hợp đồng "Vay tài sản" đối với anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H.

Buộc anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Duy B số tiền vay 350.000.000 đồng; lãi suất 24.412.500 đồng. Tổng cộng 374.412.500 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Duy B yêu cầu anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H trả thêm số tiền 8.137.494 đồng tiền lãi.

Xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện lập ngày 18/7/2018 của ông Trần Duy B đối với số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay lập ngày 04/8/2016 là tự nguyện, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 23/3/2018 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có quyết định khác thay thế.

[4] Về án phí: Ông Trần Duy B, anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 146, 147 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy B về tranh chấp hợp đồng "Vay tài sản" đối với anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H.

- Buộc anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Duy B số tiền vay 350.000.000 đồng; lãi suất 24.412.500 đồng. Tổng cộng 374.412.500 (ba trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm) đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Duy B yêu cầu anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H trả thêm số tiền 8.137.494 (tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bốn) đồng tiền lãi suất.

3/ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy B tranh chấp hợp đồng "Vay tài sản" đối với anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H trả số tiền 350.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 04/8/2016.

4/ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 23/3/2018 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Kể từ ngày ông Trần Duy B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H chưa thi hành hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền ch âm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí: Anh Bùi Văn G, chị Lê Thị Ngọc H cùng phải chịu 18.720.625 (Mười tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, sáu trăm hai mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Duy B phải chịu 406.874 (Bốn trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm bảy mươi bốn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông B đã nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo biên lai thu số 0025302 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 14.593.126 (Mười bốn triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi sáu) đồng.

6/ Về quyền kháng cáo: Báo cho ông B, anh G và chị H biết có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Minh Tuấn